

Bản án số: 04/2021/HS-PT

Ngày 09/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;

Bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Kim Dung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án Hình sự - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2021/TLPT-HS ngày 05/02/2021 đối với bị cáo Tráng Văn S cùng đồng phạm, do các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị Rkháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Tráng Văn S; sinh năm 1972 tại huyện H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Lao H(*đã chết*) và bà Thèn Thị T, sinh năm 1935; có vợ là Vàng Thị Mvà có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

2. Tráng Văn B; sinh năm 1977 tại huyện H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Lao H(*đã chết*) và bà Thèn Thị T, sinh năm 1935; có vợ Thèn Thị Mvà có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

3. Thèn Thị R (tên gọi khác: Tráng Già V); sinh năm 1975 tại huyện H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thèn Văn P(*đã chết*) và bà Thèn Già P; có chồng là Tráng Văn S1 và con: 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*"; có mặt.

* *Người phiên dịch tiếng Nùng*: Ông Lý Ngọc Khánh, sinh năm: 1983; trú tại: Tổ 4, thị trấn Vinh Quang, huyện H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tráng Văn S; Tráng Văn B và Thèn Thị R (tên gọi khác là Tráng Già V) có quan hệ anh em họ hàng với nhau. Năm 2016 S, B, R cho rằng thừa đất ruộng số 821, tờ bản đồ số 01, xã T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N471784 ngày 24/3/1999 mang tên ông Lù Văn C và thừa đất ruộng số 822 tờ bản đồ số 01, xã T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N471790 ngày 24/3/1999 mang tên ông Lù Văn S là đất do cha ông mình khai phá nên đã tranh chấp 02 thửa đất này với ông C, ông S2, trú cùng thôn T, xã T. Khi sự việc tranh chấp xảy ra ông C và ông S2 đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 25/11/2016 Tráng Văn S, Tráng Văn B và Thèn Thị R nhất trí trả lại thửa đất số 821 cho ông Lù Văn C, trả lại thửa đất số 822 cho ông Lù Văn S nên ngày 05/12/2016 Tòa án nhân dân huyện H đã ra Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2016/QĐST-DSTC; Quyết định sửa chữa bổ sung quyết định số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2017 với nội dung: Các ông bà Tráng Văn S, Tráng Văn B và bà Tráng Già V (tức Thèn Thị R) có trách nhiệm trả lại ông Lù Văn C diện tích 1.515m² đất lúa thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 01, xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N471784 ngày 24/3/1999 mang tên ông Lù Văn C.

Ban hành Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2016/QĐST-DSTC ngày 05/12/2016 và Quyết định sửa chữa bổ sung quyết định số 02/2017/QĐ-SCBSBA ngày 20/01/2017 với nội dung: Các ông bà Tráng Văn S, **Tráng Văn B**, Tráng Già Vinh (*tức Thèn Thị R*) có trách nhiệm trả lại cho ông Lù Văn S diện tích đất lúa là 1.944m² thuộc thửa đất số 822, tờ bản đồ số 01, xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N471790 ngày 24/3/1999 mang tên ông Lù Văn S.

Tuy nhiên, đến ngày 28/7/2019, Tráng Văn S, Tráng Văn B và Thèn Thị R lại tiếp tục tranh chấp 02 thửa đất số 821, 822 để cày bừa và trồng cây hoa màu. Ngày 20/8/2019 ông Lù Văn C và ông Lù Văn S gửi đơn yêu cầu Thi hành án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Sau khi tiếp nhận đơn, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đã nhiều lần lập biên bản yêu cầu S, B, R trả lại thửa đất số 821 cho ông Lù Văn C và trả lại thửa đất số 822 cho ông Lù Văn S nhưng S, B, R không chấp hành, không ký tên vào các biên bản làm việc.

Ngày 03/01/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H phối hợp với các cơ quan chức năng thi hành Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 05/QĐ-CCTHADS; 06/QĐ-CCTHADS ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, sau khi cưỡng chế đã bàn giao thửa đất số 821 cho ông Lù Văn C và bàn giao thửa đất 822 cho ông Lù Văn Sín, đồng thời thông báo cho Tráng Văn S, Tráng Văn B và Thèn Thị R không được tiếp tục canh tác, sử dụng 02 thửa đất 821, 822, tờ bản đồ số 01 xã T dưới tất cả các hình thức nhưng S, B, R chống đối không chấp hành, không ký tên vào biên bản. Ngày 21/4/2020 S, B, R tiếp tục có hành vi cày bừa, trồng cây ngô lên trên 02 thửa đất 821 và 822 cho đến khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 380; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Tráng Văn S; Tráng Văn B, Thèn Thị (tên gọi khác: Tráng Già V) phạm tội “*Không chấp hành án*”.

- Xử phạt bị cáo Tráng Văn S09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Tráng Văn B09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Thèn Thị R09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 bị cáo Tráng Văn S có đơn kháng cáo, ngày 07 tháng 01 năm 2021 các bị cáo Tráng Văn B, Thèn Thị R có đơn kháng cáo.

Nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo với lý do: Vì không có trình độ học vấn nên không hiểu biết pháp luật, quá trình giải quyết vụ việc đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật và tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Luôn chấp hành tốt những chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R về tội “*Không chấp hành án*” theo khoản 1 Điều 380 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo xét thấy, các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng “*phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, do không

chấp hành 02 quyết định cưỡng chế thi hành án của cơ quan Thi hành án dân sự huyện H trong khi các bị cáo có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành án mặc dù các bị cáo có đủ điều kiện để thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, bảo đảm tính răn đe, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hơn nữa, các bị cáo đều là anh chị em trong một gia đình, các bị cáo khai nhận hành vi không chấp hành các quyết định có hiệu lực của Tòa án và quyết định cưỡng chế thi hành án vì cho rằng đây là đất do ông cha khai phá nên nếu trả lại đất thì phải đòi công khai phá, điều đó cho thấy sự nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế. Tuy rằng, trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nhưng cũng cần xem xét để giảm nhẹ mức hình phạt cho tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giúp các bị cáo tự rèn luyện tu dưỡng bản thân. Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giảm hình phạt cho cả 03 bị cáo, theo đó đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Tráng Văn Sừ 04 (*bốn*) đến 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt Tráng Văn B04 (*bốn*) đến 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt Thèn Thị R (tên gọi khác là Tráng Già V) từ 04 (*bốn*) đến 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, vì đến nay các bị cáo đã trả lại đất cho ông S2 và ông C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo khai nhận, 03 bị cáo là anh chị em trong cùng gia đình, ngày 03/01/2020 Cơ quan Thi hành án dân sự huyện H tổ chức cưỡng chế thi hành án, yêu cầu các bị cáo giao 02 thửa đất số 821, 822, tờ bản đồ số 1, xã Tân Tiến, huyện H cho ông Lù Văn C và Lù Văn S2 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2016/QĐST-DS-TC và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2016/QĐST-DS-TC do Tòa án nhân dân huyện H, giải quyết ngày 05/12/2016, nhưng các bị cáo không chấp hành và không ký vào các biên bản làm việc của Cơ quan Thi hành án. Vì cho rằng nguồn gốc 02 thửa đất ruộng bậc thang Chi cục Thi hành án dân sự đã cưỡng chế giao cho C là do đời ông, cha của các bị cáo đã từng canh tác nhưng không được ông C và ông S2 trả tiền công khai phá nên ngày 21/4/2020 các bị cáo S, B, R tiếp tục canh tác trồng ngô cho đến khi vụ án được khởi tố, điều tra. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện H xét xử bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R về tội “*Không chấp hành án*” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, vì các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ giao 02 thửa đất cho 02 chủ sở hữu khác nhau. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi khởi tố vụ án các bị cáo đã tự nguyện bàn giao đất cho người được thi hành án, thuộc trường hợp tự nguyện khắc phục hậu quả; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho cả 03 bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên mức án 09 (chín) tháng tù đối với cả 03 bị cáo là có phần nghiêm khắc và chưa phân hóa vai trò của từng bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Đánh giá vai trò phạm tội của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp phạm tội giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Mặc dù trong giai đoạn điều tra bị cáo S tự khai nhận bị cáo là người khởi sự nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai cho rằng cả 3 anh em bị cáo cùng tự tham gia canh tác trên thửa đất của ông S2, ông C và không chấp hành quyết định cưỡng chế của Cơ quan thi hành án, các bị cáo B và R cùng xác nhận lời khai của bị cáo S là đúng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử

thấy rằng, bị cáo Slà người anh lớn trong gia đình, bản thân bị cáo không những không khuyên can, dạy bảo các bị cáo B, R phải có lối sống tuân theo pháp luật, trái lại bị cáo còn trực tiếp cùng các bị cáo B, R canh tác trên 02 thửa ruộng bậc thang của ông S2 và ông C, cho dù đã có quyết định cưỡng chế thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bị cáo cũng được đánh giá là người có vai trò tham gia tích cực nhất bằng việc nhờ anh Tráng Văn M là con trai của bị cáo đi cày, bừa ruộng giúp, nhờ vợ bị cáo là bà Vàng Thị Mãi mua giống ngô để reo. Để bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong vụ án có đồng phạm, cần xử phạt bị cáo Tráng Văn S mức án cao hơn so với **bị cáo B, bị cáo R** mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5]. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều trình bày lý do xin được hưởng treo là vì trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhưng căn cứ vào các Biên bản làm việc của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H thể hiện, từ khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ban hành quyết định thi hành án và tổ chức cưỡng chế thi hành án các bị cáo đều được giải thích pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người phải thi hành án nhưng các bị cáo không chấp hành và không ký tên, điểm chỉ vào vào bất cứ biên bản làm việc nào. Ngày 21/4/2020, khi được chính quyền địa phương đến lập biên bản yêu cầu không được canh tác trên diện tích đất đã bị cưỡng chế giao đất, bị cáo R không những không chấp hành mà còn có lời lẽ chửi bới, thách thức đoàn công tác (*bút lục 43, 44*); ngày 29/4/2020 tại Biên bản làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B đều thừa nhận đã bị cưỡng chế thi hành án nhưng vẫn không chấp hành trả lại đất cho người được thi hành án vì các bị cáo cho rằng không có đất để canh tác, sau đó không ký tên vào biên bản. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế là đúng, nhưng trong các lần được Chi cục Thi hành án dân sự hoặc chính quyền địa phương mời làm việc các bị cáo đều được giải thích pháp luật nhưng các bị cáo vẫn không chấp hành.

[6]. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự “*ngoan cố chống đối*”, bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật. Tại Điều 65 Bộ luật Hình sự quy định “*Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo...*”. Tuy nhiên, tại khoản 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo quy định cụ thể trường hợp người phạm tội “*ngoan cố chống đối*” thì không được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của cả 03 bị cáo.

[7]. Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Tráng Văn S, **Tráng Văn B,**

Thèn Thị R không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Tráng Văn S, **Tráng Văn B**, **Thèn Thị R**. Căn cứ Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST 20/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang.

[8]. Về án phí: Các bị cáo được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R (*tên gọi khác: Tráng Già V*) Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Tráng Văn S, **Tráng Văn B**, **Thèn Thị R**, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 380; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R (*tên gọi khác: Tráng Già V*) phạm tội “*Không chấp hành án*”.

- Xử phạt bị cáo Tráng Văn S06(*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt Tráng Văn B04 (*bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt **Thèn Thị R**04 (*bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí: Các bị cáo Tráng Văn S, Tráng Văn B, Thèn Thị R không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thành Quang

Hoàng Thị Vân

Vương Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS h.Hoàng Su Phì;
- Công an huyện H;
- PC10; PC01 CA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà

